

CÔNG TY TNHH NHẬT TÂN VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NHẬT TÂN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAT TAN VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NHAT TAN VIET NAM CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110420913

3. Ngày thành lập: 19/07/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 5, 22BT2 Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0858158899

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
6.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
9.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đầu giá)	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
11.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
12.	Bán buôn thực phẩm	4632
13.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống không chứa cồn	4633
14.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào (Trừ loại Nhà nước cấm)	4634

15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
21.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng)	4662
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
25.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
26.	Khai thác và thu gom than non	0520
27.	Khai thác dầu thô	0610
28.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
29.	Khai thác quặng sắt	0710
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
31.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
32.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật hoá chất, kỹ thuật phân bón, kỹ thuật khoáng sản, kỹ thuật kim loại	7110
33.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Việc kiểm tra lý, hóa và các phân tích khác của tất cả các loại vật liệu và sản phẩm ; - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Kiểm định xây dựng - Hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	7120
34.	Quảng cáo	7310
35.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
36.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690

37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ nhiều loại hàng hóa trong minimarket, cửa hàng tiện lợi tuy nhiên trong đó hàng lương thực, thực phẩm là chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn. Ngoài các loại hàng hóa này, các cửa hàng đó còn bán lẻ các loại hàng hóa khác như quần áo, giường, tủ, bàn ghế nhưng các loại hàng này chiếm tỷ trọng nhỏ. (Trừ loại Nhà nước cấm)	4711
38.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
39.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
40.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
41.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống không có cồn	4723
42.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	4724
43.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
44.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
45.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
46.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
47.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891(Chính)
48.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
49.	Khai thác muối	0893
50.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
53.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
54.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
55.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
56.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
57.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
58.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
59.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
60.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
61.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
62.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
63.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394

64.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
65.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
66.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
67.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
68.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
69.	Đúc sắt, thép	2431
70.	Đúc kim loại màu	2432
71.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
72.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
73.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
74.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
75.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
76.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599
77.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá và các loại hàng hóa Nhà nước cấm)	4774
78.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá và các loại hàng hóa Nhà nước cấm)	4791
79.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá và các loại hàng hóa Nhà nước cấm)	4799
80.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
81.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
82.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
83.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
84.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
85.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
86.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
87.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
88.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
89.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764

90.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
91.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh)	4772
92.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ súng, đạn, tem, vàng và tiền kim khí và các loại hàng hóa Nhà nước cấm)	4773

6. Vốn điều lệ: 25.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN ĐỨC	Việt Nam	Tổ 3, Khu 4, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	5.000.000.000	20,000	024068000207	
2	VŨ HOÀNG	Việt Nam	Tổ 13, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	10.000.000.000	40,000	019091004368	
3	VŨ THỊ THOM	Việt Nam	P412 Tòa CT1 Đường Trần Văn Lai, TDP Số 6, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	10.000.000.000	40,000	030183002267	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/07/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019091004368

Ngày cấp: 11/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 13, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 13, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

Thời gian đăng từ ngày 20/07/2023 đến ngày 19/08/2023

